

So sánh bằng

1. 我 跟 我 弟弟 一样。

Wǒ gēn wǒ dìdì yíyàng.

2. 这 辆 车 的 颜色 跟 那 辆 车 不 一样。

Zhè liàng chē de yánsè gēn nà liàng chē bù yíyàng.

3. 越南 的 夏天 跟 中国 的 一样。

Yuènnán de xiàtiān gēn Zhōngguó de yíyàng.

ĐÚC KẾT CÔNG THỨC